BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 233/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 177/2013/NĐ-CP) và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 149/2016/NĐ-CP) về bình ổn giá; định giá của Nhà nước; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá."

2. Khoản 2, khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của các bộ quản lý ngành theo thẩm quyền.

Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc cung cấp thông tin.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP có trách nhiệm tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn địa phương.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn địa phương."

"3. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;

cơ quan tiếp nhận và đối tượng đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế."

3. Điểm e khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"e) Có trách nhiệm chấp hành các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về đăng ký giá theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn."

4. Tên của Điều 8, khoản 1 và khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan tham mưu thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc định giá của Nhà nước quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP

1. Cơ quan tham mưu cho Bộ Tài chính trong việc định giá là Cục Quản lý giá có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính thẩm định phương án giá của các bộ, ngành đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá cụ thể dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải (bao gồm dịch vụ đăng kiểm phương tiện thiết bị giao thông vận tải và các công trình khai thác, vận chuyển dầu khí biển) sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải;

c) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá nước sạch sinh hoạt sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan;

d) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật, thực vật; dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Y tế;

e) Thẩm định phương án giá do Tổng cục Dự trữ Nhà nước lập đối với giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định;

g) Thẩm định và tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định đối với giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia (trừ hàng dự trữ quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh) do các bộ, ngành được giao quản lý thuộc thẩm quyền quy định giá của Bộ Tài chính trên cơ sở đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự

trữ quốc gia lập phương án trình Bộ, ngành được giao quản lý phê duyệt và có văn bản gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định;

h) Thẩm định và thông báo bằng văn bản chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia chưa có định mức, chi phí (nhập, xuất tại cửa kho dự trữ quốc gia) chưa có định mức và chi phí xuất tối đa ngoài cửa kho hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước lập phương án hoặc đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia lập phương án trình bộ, ngành được giao quản lý phê duyệt (kể cả hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh) và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) thẩm định;

i) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá mua tối đa sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách trung ương (trừ sản phẩm, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của các bộ, ngành khác và của Ủy ban nhân dân tỉnh) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ; giá mua tối đa hàng hóa, dịch vụ được Thủ tướng Chính phủ đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách trung ương do các cơ sở sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá báo cáo bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định; sau đó, bộ quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định. Trường hợp cần làm rõ các nội dung trong phương án giá do các cơ sở sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ xây dựng; Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đề nghị bộ quản lý ngành, lĩnh vực có ý kiến tham gia hoặc các cơ sở sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ báo cáo, giải trình cụ thể các nội dung liên quan;

k) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa hoặc giá tối thiểu đối với giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

l) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá bán tối thiểu sản phẩm thuốc lá điếu tiêu thụ trong nước sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Công Thương;

m) Thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá, giá tối đa hoặc giá cụ thể đối với dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, bao gồm: Dịch vụ liên quan đến hoạt động niêm yết, giao dịch, cung cấp thông tin, đấu giá, đấu thầu chứng khoán; dịch vụ liên quan đến hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán, giám sát tài sản, đại diện người sở hữu trái phiếu, thanh toán bù trừ tiền giao dịch chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thẩm định và đề nghị trên cơ sở phương án giá của các đơn vị cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán lập, gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

n) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện các quyết định giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài chính; việc chấp hành pháp luật về giá tại các bộ, ngành, địa phương;

o) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính tham gia ý kiến đối với quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của các bộ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và theo dõi, giám sát đối với các quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của các bộ, ngành;

p) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an về nguyên tắc định giá hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh.

2. Cơ quan tham mưu về lĩnh vực giá thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo quy định của các bộ, cơ quan ngang bộ và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Bộ, ngành, đơn vị quy định mức giá cụ thể căn cứ vào khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia), chi phí tối đa (bảo quản, nhập, xuất) chưa có định mức hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính quy định có trách nhiệm gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).”

5. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá

1. Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i và điểm k khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá của Bộ Tài chính quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của các tổ chức, cá nhân kê khai giá tại Bộ Tài chính.

Cục Quản lý giá chủ trì lựa chọn trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét ban hành thông báo danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại Bộ Tài chính đối với:

- Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn mà doanh nghiệp đó có mạng lưới sản xuất, kinh doanh trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

- Tổ chức, cá nhân là doanh nghiệp độc quyền; doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường theo quy định của Luật cạnh tranh.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cục Quản lý giá có trách nhiệm rà soát danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), nếu cần thiết trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét thông báo điều chỉnh danh sách này.

2. Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá của Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP; hàng hóa dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá ở trung ương hoặc văn bản hướng dẫn riêng về kê khai giá của bộ quản lý ngành theo thẩm quyền.

Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý (bao gồm cả cửa hàng) không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP có trách nhiệm tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn địa phương.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương để gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn địa phương.

3. Cách thức thực hiện kê khai giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá; địa chỉ email, số điện thoại, số fax của các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan này.

5. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó."

6. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 15. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP bằng việc lập Văn bản kê khai giá (sau đây gọi tắt là Văn bản) và gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Văn bản (sau đây gọi tắt là cơ quan tiếp nhận Văn bản) theo một trong các hình thức sau:

a) Gửi trực tiếp 02 bản tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận Văn bản;

b) Gửi qua đường công văn 02 bản cho cơ quan tiếp nhận Văn bản;

c) Gửi qua thư điện tử kèm bản scan Văn bản kê khai giá có chữ ký và dấu theo địa chỉ đã được cơ quan tiếp nhận Văn bản thông báo hoặc gửi qua fax và gọi điện thoại thông báo cho cơ quan tiếp nhận Văn bản. Đồng thời, gửi qua đường công văn 02 bản cho cơ quan tiếp nhận Văn bản.

2. Cơ quan tiếp nhận Văn bản thực hiện như sau khi nhận được Văn bản:

a) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra về thành phần, số lượng Văn bản, trường hợp Văn bản có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận Văn bản thực hiện đóng dấu công văn đến có ghi ngày tháng năm tiếp nhận vào Văn bản và trả ngay 01 bản Văn bản cho tổ chức, cá nhân đến nộp trực tiếp hoặc chuyển ngay theo đường bưu điện 01 bản Văn bản cho tổ chức, cá nhân đã gửi Văn bản theo đường công văn, fax hoặc thư điện tử; đồng thời, chuyển ngay 01 bản Văn bản đến lãnh đạo cơ quan, phòng, ban nghiệp vụ có thẩm quyền;

b) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra về thành phần, số lượng Văn bản, trường hợp Văn bản không đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận Văn bản ghi rõ lý do trả lại, các nội dung cần bổ sung và trả lại ngay Văn bản cho tổ chức, cá nhân đến nộp trực tiếp; hoặc tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Văn bản, cơ quan tiếp nhận Văn bản thông báo bằng công văn, fax hoặc thư điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá nộp bổ sung thành phần, số lượng Văn bản. Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần, số lượng Văn bản theo quy định và nộp lại cho cơ quan tiếp nhận Văn bản tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận Văn bản thông báo bằng văn bản qua đường công văn, fax, thư điện tử yêu cầu bổ sung

đủ thành phần, số lượng Văn bản. Ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ thành phần, số lượng Văn bản được tính là ngày tiếp nhận Văn bản, cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm tiếp nhận vào Văn bản;

c) Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi Văn bản đến cơ quan tiếp nhận Văn bản. Cơ quan tiếp nhận Văn bản kiểm tra về thành phần, số lượng Văn bản theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này và yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần, số lượng Văn bản theo quy định để lưu trữ đầy đủ hồ sơ kê khai giá phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 17 Thông tư này.

3. Văn bản kê khai giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp tổ chức, cá nhân có chính sách khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng thì ghi rõ trong Văn bản kê khai giá tên đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng và mức khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu.

4. Cách thức thực hiện kê khai giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Cách thức thực hiện kê khai giá đối với cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải."

7. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện kê khai giá

1. Đối với cơ quan tiếp nhận Văn bản:

a) Có quyền sử dụng mức giá do tổ chức, cá nhân kê khai vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết;

b) Có quyền rà soát nội dung Văn bản kê khai giá do tổ chức, cá nhân kê khai bao gồm rà soát về ngày thực hiện mức giá kê khai, bảng kê khai mức giá, phần giải trình lý do điều chỉnh giá; yêu cầu bằng văn bản các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật;

c) Có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về tiếp nhận Văn bản quy định tại Điều 15 Thông tư này;

d) Có trách nhiệm bảo mật mức giá kê khai của tổ chức, cá nhân trong thời gian mức giá kê khai chưa có hiệu lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá:

a) Có quyền mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã kê khai kể từ ngày thực hiện mức giá kê khai mà tổ chức, cá nhân đã ghi trong Văn bản gửi cơ quan tiếp nhận Văn bản sau khi nộp đủ thành phần, số lượng Văn bản theo quy định và được cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm tiếp nhận vào Văn bản;

b) Có quyền gửi thông báo mức giá theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này thay cho Văn bản kê khai giá khi điều chỉnh tăng, giảm giá hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai liền kề trước đó khi các yếu tố hình thành giá thay đổi đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i, điểm k tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP; trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ sung hàng hóa, vụ khác gửi thông báo mức giá quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP. Trường hợp cộng dồn các lần điều chỉnh tăng, giảm giá liên tục theo hình thức gửi thông báo mức giá trên mà vượt mức 5% so với mức giá đã kê khai liền kề trước đó, tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này;

c) Có trách nhiệm thực hiện kê khai giá, thông báo mức giá theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá; chấp hành báo cáo về mức giá kê khai theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận Văn bản để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra; chấp hành việc kiểm tra (bao gồm kiểm tra yếu tố hình thành giá), thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

d) Không được áp dụng mức giá kê khai trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ trước ngày thực hiện kê khai giá theo quy định. Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay phù hợp với biến động giảm của yếu tố hình thành giá; đồng thời, gửi Văn bản kê khai giá, thông báo mức giảm giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin về mức giá đã kê khai; thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận Văn bản kê khai giá nếu

thay đổi thời gian bắt đầu áp dụng mức giá đã kê khai; công khai, niêm yết trong toàn hệ thống phân phối (nếu có); thực hiện đúng giá niêm yết; chấp hành các biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Có trách nhiệm chấp hành các hình thức xử lý về kê khai giá theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí, hóa đơn."

8. Khoản 1 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho Cục trưởng Cục Quản lý giá thuộc Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản các mức chi phí quy định tại điểm h khoản 1 Điều 8 Thông tư này."

9. Mẫu Văn bản kê khai giá tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá (sau đây gọi tắt là Thông tư số 56/2014/TT-BTC) được sửa đổi, bổ sung và ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2.

1. Bãi bỏ Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

2. Bổ sung cụm từ "và khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP" vào sau tên của Điều 3 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

3. Bỏ cụm từ "điểm h" tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

4. Thay đổi cụm từ "khoản 2 Điều 5 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP" thành cụm từ "khoản 3 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP" tại điểm d khoản 1 Điều 3 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

5. Thay đổi cụm từ "Điều 6 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP" thành cụm từ "khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP)" tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

6. Bỏ từ "Điều 8" và bổ sung cụm từ "và khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP" vào sau cụm từ "Điều 9, Điều 10 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP" tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

7. Bổ sung căn cứ pháp lý thực hiện là tên Thông tư, số ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành của Thông tư này vào Mẫu công văn gửi cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá tại Phụ lục số 01 và Mẫu công văn gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Các bộ căn cứ tình hình thực tế và các quy định của pháp luật về quản lý giá ban hành quy định về quản lý giá đối với ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và các quy định của pháp luật về quản lý giá ban hành quy định về quản lý giá trên địa bàn theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) để xem xét, giải quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Phụ lục số 4: MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị thực hiện kê khai giá	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi:.... *(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá....)*

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

... *(tên đơn vị kê khai giá)* gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày..../..../.....

... *(tên đơn vị kê khai giá)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:.....

Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá của cơ quan tiếp nhận

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện kê khai giá	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm.....

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

1. Mức giá kê khai bán trong nước hoặc xuất khẩu (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại cửa kho/nhà máy, tại các địa bàn, khu vực khác (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Ghi chú

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

.....

.....

.....

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày..../..../.....

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

- Mức giá kê khai xuất khẩu ghi cụ thể áp dụng cho thị trường nước xuất khẩu nào và tính theo tỷ giá mua vào.....VNĐ/USD tại Ngân hàng thương mại..... ngày... tháng... năm...

Phụ lục số 5: MẪU THÔNG BÁO MỨC GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị thực hiện kê khai giá	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số...../..... V/v thông báo mức giá điều chỉnh tăng, giảm giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai liền kề trước đó	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi:.... *(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)*

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

... *(tên đơn vị kê khai giá)* thông báo mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai liền kề trước đó (Bảng thông báo mức giá đính kèm).

Mức giá này thực hiện từ ngày..../..../.....

... *(tên đơn vị kê khai giá)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai giá:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:.....

Ghi nhận ngày nộp Thông báo mức giá của cơ quan tiếp nhận

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo mức giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện kê khai giá	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm.....

BẢNG THÔNG BÁO GIÁ BÁN
TRONG NƯỚC HOẶC XUẤT KHẨU

(Kèm theo Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

1. Thông báo giá bán trong nước hoặc xuất khẩu (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại cửa kho/nhà máy, tại địa bàn, khu vực khác (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai liền kề trước	Mức giá thông báo	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Ghi chú

2. Mức giá thông báo này thực hiện từ ngày..../.... /.....

Ghi chú:

- Mức giá thông báo là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm.

- Mức giá thông báo xuất khẩu ghi cụ thể áp dụng cho thị trường nước xuất khẩu nào và tính theo tỷ giá mua vào..... VNĐ/USD tại Ngân hàng thương mại..... ngày... tháng... năm...